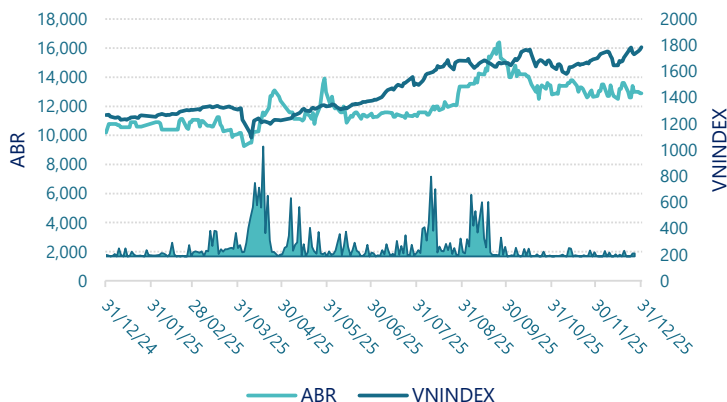




CTCP Đầu tư Nhãn Hiệu Việt (HSX: ABR)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,258
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	650
% sở hữu nước ngoài	48.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	258
P/E	16.6
EPS	775

DT thuần

Q4/25

6.92

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.81 | 13.2%

YoY: ▼ 0.99 | -12.5%

LN sau thuế

Q4/25

6.01

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.51 | 140%

YoY: ▲ 1.38 | 29.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

78.5%

+/- YoY: ▼ 28.5%

DT thuần

2025

25.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.80 | 3.0%

LN sau thuế

2025

15.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 4.20 | -21.4%

ROE

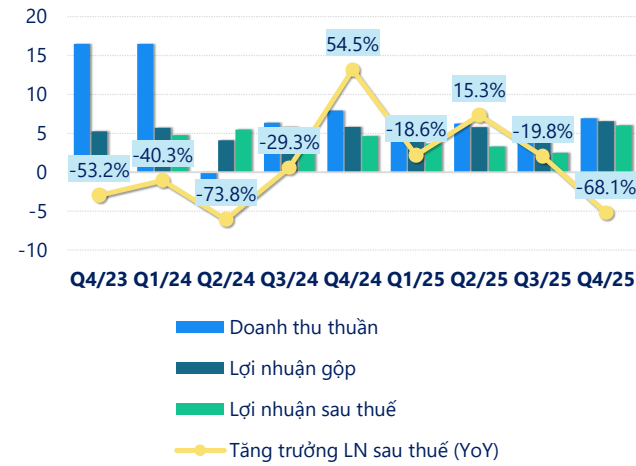
2025

5.9%

+/- YoY: ▼ 0.6%

tỷ VNĐ

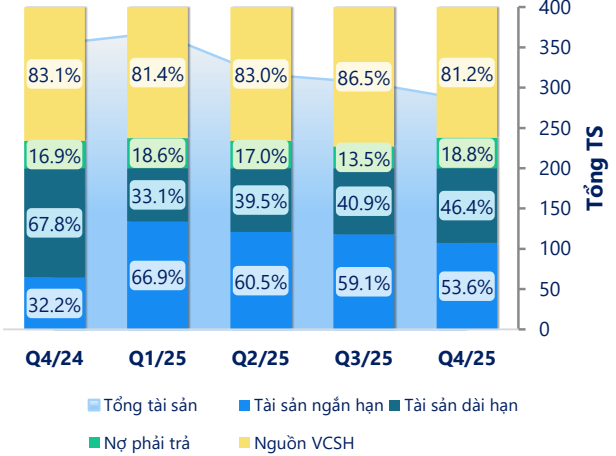
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

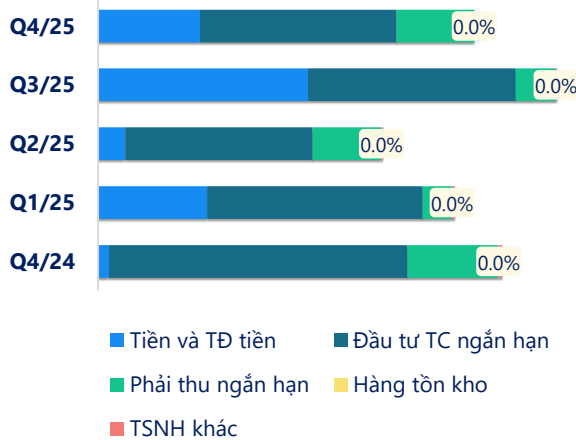
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



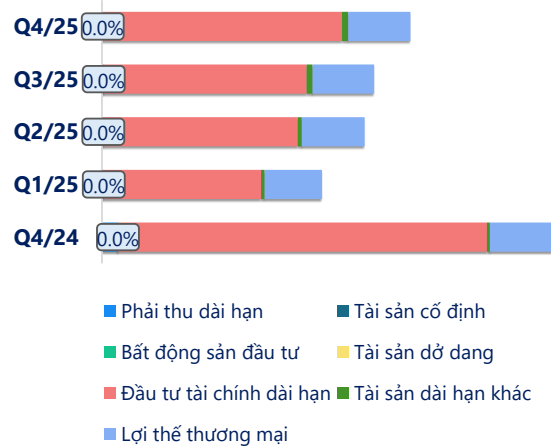
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

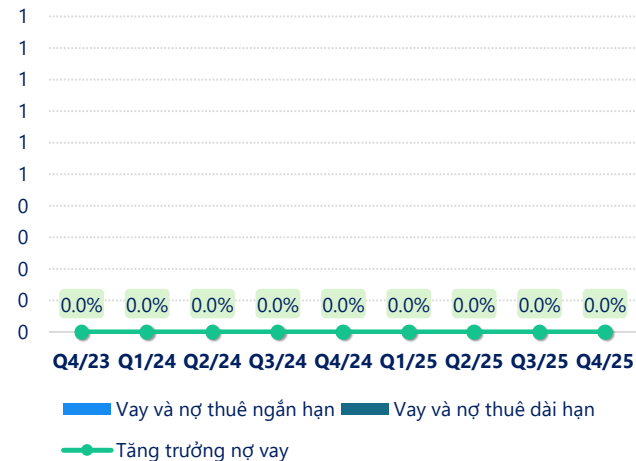
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

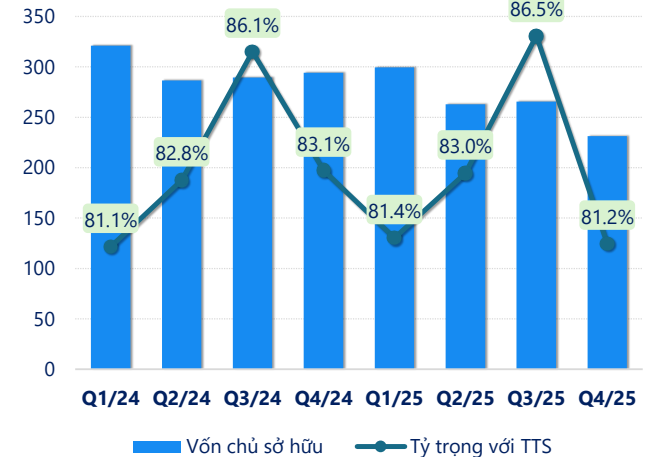
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

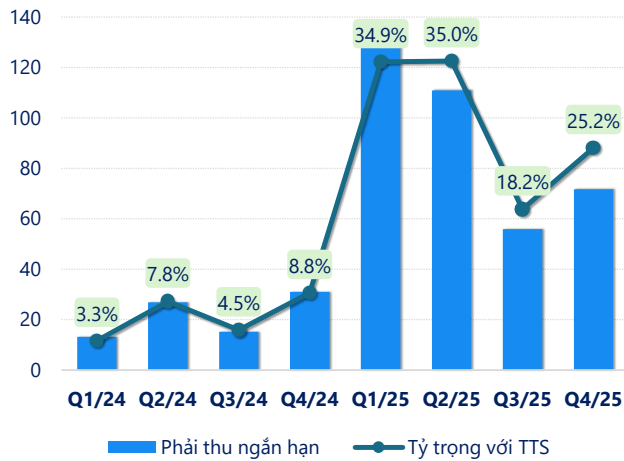
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



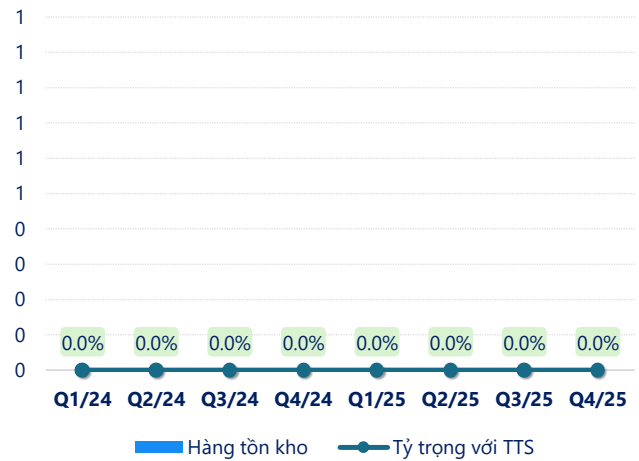
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


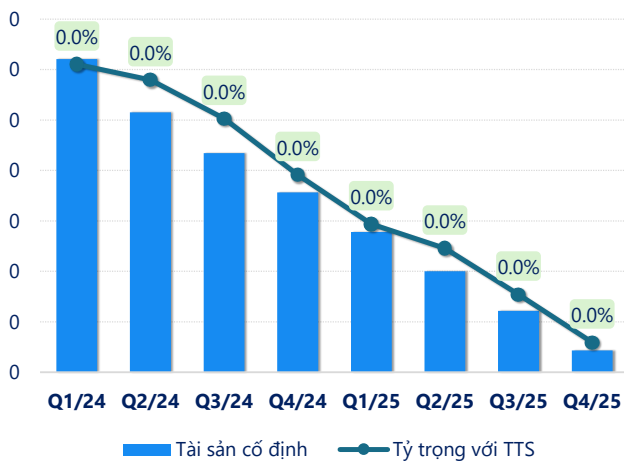
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


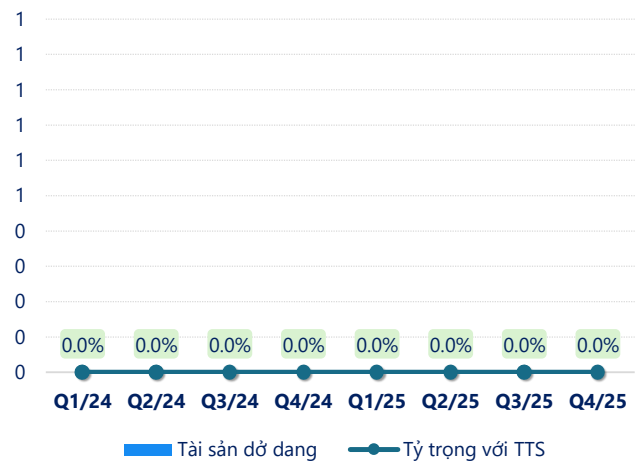
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

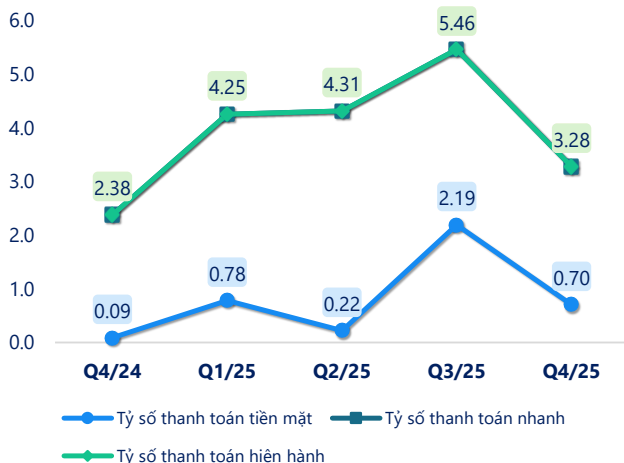
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

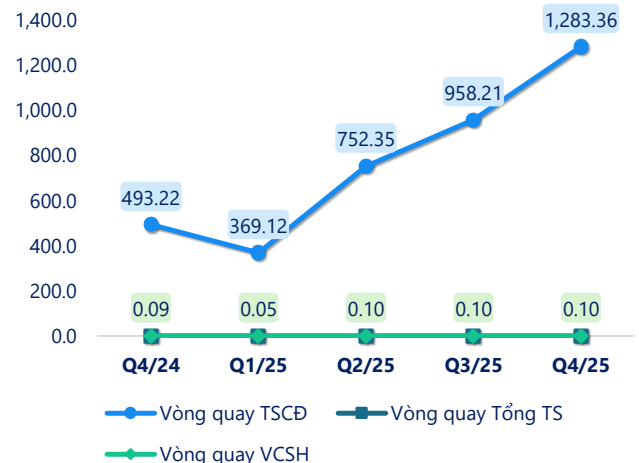
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	354	368	317	307	285
Tài sản ngắn hạn	114	246	192	181	153
Tiền và tương đương tiền	4.27	45.3	9.76	72.7	32.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	78.5	72.2	70.6	52.3	48.1
Phải thu ngắn hạn	31.0	129	111	55.9	71.7
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	0.33	0.24	0.25	0.08
Tài sản dài hạn	240	122	125	126	132
Phải thu dài hạn	8.51	1.00	0.62	0.80	0.33
Tài sản cố định	0.04	0.03	0.02	0.01	0.00
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	197	87.1	92.6	93.7	103
Tài sản dài hạn khác	1.44	1.98	1.95	2.76	2.69
Lợi thế thương mại	33.5	31.8	30.0	28.3	26.6
Nợ phải trả	59.9	68.7	53.8	41.4	53.5
Nợ ngắn hạn	47.9	57.9	44.4	33.2	46.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	30.5	31.0	5.60	5.31	29.6
Nợ dài hạn	12.0	10.7	9.46	8.21	6.97
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	294	300	263	265	231
Vốn chủ sở hữu	294	300	263	265	231
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)